

DANH SÁCH DỰ THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1, NĂM 2018 ĐỢT 1

Phòng thi số:

02

Ngày thi: Ngày 07 tháng 4 năm 2018

Kỹ năng thi

Độc + Viết + Nghe hiểu

Địa điểm : Giảng đường G2, ĐH Lâm nghiệp

TT	Họ và tên	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ giấy thi/Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	Bùi Thị Hồng	Hiệu	E18.033	Nữ	29/12/1984	Hà Nội		
2	Đinh Thị Thúy	Hòa	E18.034	Nữ	01/12/1981	Hà Nội		
3	Nguyễn Thị	Hòa	E18.035	Nữ	16/11/1983	Hòa Bình		
4	Lê Ngọc	Hoàng	E18.036	Nam	01/4/1984	Quảng Bình		
5	Nguyễn Mạnh	Hồi	E18.037	Nam	20/5/1985	Hà Nội		
6	Đặng Văn	Hơn	E18.038	Nam	01/02/1975	Thái Bình		
7	Đỗ Tiến	Hùng	E18.039	Nam	26/7/1978	Hà Nội		
8	Nguyễn Thanh	Hưng	E18.040	Nam	09/9/1990	Sơn La		
9	Hà Thị Mai	Hưng	E18.041	Nữ	20/11/1990	Hà Nội		
10	Nguyễn Thị Lan	Hương	E18.042	Nữ	01/5/1987	Hòa Bình		
11	Trần Thị Mai	Hương	E18.043	Nữ	01/10/1990	Hà Nội		
12	Lê Thị	Hương	E18.044	Nữ	05/9/1989	Vĩnh Phú		
13	Trương Đức	Hường	E18.045	Nam	08/12/1980	Hà Nam		
14	Mai Thanh	Khả	E18.046	Nam	28/8/1993	Phú Thọ		
15	Phùng Duy	Khánh	E18.047	Nam	18/6/1981	Sông Bé		
16	Nguyễn Duy	Khánh	E18.048	Nam	21/3/1985	Quảng Bình		
17	Nguyễn Ngọc	Khoát	E18.049	Nam	14/10/1982	Thanh Hóa		
18	Bùi Công	Khuong	E18.050	Nam	26/01/1971	Hà Nội		
19	Bùi Viết	Kính	E18.051	Nam	02/9/1984	Thanh Hóa		
20	Lý Tiến	Lâm	E18.052	Nam	25/01/1994	Bắc Cạn		
21	Hoàng Thị	Lan	E18.053	Nữ	10/02/1981	Tuyên Quang		
22	Nguyễn Việt	Linh	E18.054	Nam	23/7/1994	Hà Nội		
23	Lê Nhật	Linh	E18.055	Nữ	26/4/1991	Sơn La		
24	Nguyễn Hoàng	Long	E18.056	Nam	01/02/1990	Sơn La		
25	Nguyễn Ngọc	Long	E18.057	Nam	19/5/1992	Hà Nội		
26	Đặng Trường	Long	E18.058	Nam	18/11/1992	Nghệ An		
27	Hoàng Xuân	Long	E18.059	Nam	24/10/1992	Hà Nam		
28	Đỗ Thị	Lý	E18.060	Nữ	07/01/1983	Sơn La		
29	Bùi Thị	Mai	E18.061	Nữ	22/3/1993	Hà Nội		
30	Hoàng Quang	Mạnh	E18.062	Nam	24/12/1991	Hòa Bình		
31	Nguyễn Thị Hà	My	E18.063	Nữ	27/12/1992	Hà Nội		
32	Phạm Hải	Nam	E18.064	Nam	10/5/1985	Sơn La		

Danh sách gồm: 32 thí sinh

Tổng số bài thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 2